

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HS-ST

Ngày: 07-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tứ Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Duy Phước và bà Võ Thị Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Loan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2018/HS-ST ngày 26/4/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:10/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thành T, tên gọi khác: F; sinh ngày 12/12/1996 tại A, Gia Lai; nơi cư trú: Thôn C, xã K, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 6/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị N; vợ là Đặng Thị L; bị cáo có 01 người con; tiền án: Ngày 19/8/2016 bị TAND thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 10/11/2016 đã chấp hành xong hình phạt, tiền sự: Không; về nhân thân: Ngày 14/7/2015 bị Công an thị xã A xử phạt hành chính 1.500.000đ về hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 14/8/2015 bị Công an thị xã A xử phạt hành chính 1.500.000đ về hành vi trộm cắp tài sản; bị tạm giữ ngày 07/3/2018 đến ngày 12/3/2018 chuyển tạm giam cho đến nay; có mặt.

*** Người bị hại:** Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1978; trú tại: Tổ 7, phường P, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt. (chị Nguyễn Thị S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Nguyễn Văn V, sinh năm: 1972; trú tại: Tổ 7, phường P, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

2. Nguyễn H, sinh năm 1969; trú tại: Tổ 18, thị trấn B, huyện B, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

3. Phan Hoài D, sinh năm: 1995; trú tại: Thôn U, xã K, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ ngày 06 tháng 3 năm 2018, Nguyễn Thành T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HALIM màu đỏ, biên kiểm soát 81H1-8527 do anh Nguyễn H là anh rể của T đứng tên chủ sở hữu từ nhà ở thôn C, xã K, thị xã A đi ra trung tâm thị xã A để mua thuốc trừ sâu cho lúa. Khi đi đến tiệm cắt tóc G số 78, đường Quang Trung, Tổ 04, phường M, thị xã A, Trọng thấy tiệm cắt tóc mở cửa nên T dừng xe đi vào tiệm để cắt tóc. Khi vào trong tiệm, T không thấy có ai nên gọi “Chị ơi”. Cùng lúc đó Trọng thấy chiếc điện thoại Iphone 6s Plus màu hồng, số Imei: 5567653 để trên mặt ghế ngồi cắt tóc phía trong cùng bên tay phải theo hướng từ ngoài vào, T liền nảy sinh ý định trộm cắp nên đã lấy chiếc điện thoại bỏ vào túi quần bên phải. Lúc này, chị Nguyễn Thị S là chủ tiệm G nghe tiếng gọi nên từ sau nhà đi lên. Thấy chị S, T hỏi “Ở đây có cắt tóc nam không chị?”, chị S trả lời “Có”. T nói: “Vậy để em xuống chở bạn em lên cùng cắt”. Nói xong T đi ra điều khiển xe đi về xã K, đi được khoảng 300 mét thì Trọng dừng xe lại tắt nguồn điện thoại.

Khi về tới xã K, T sợ mọi người phát hiện điện thoại do trộm cắp nên đi tìm gặp cháu Trần Văn Z, Trọng nói với cháu Z điện thoại của T bị dính mật khẩu (quên mật khẩu) nhờ Z đi mở giúp. Nghe vậy, cháu Z rủ cháu Đỗ Thanh J đi đến tiệm sửa điện thoại di động của anh Lê Đức Y ở thôn I, xã K, thị xã A để mở mật khẩu nhưng không mở được. Đến khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, T quay lại tìm cháu Z để lấy điện thoại và cháu Z đã đưa lại cho T. Đến khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày, T rủ Phan Hoài D cùng đi ra thị xã A để bán điện thoại, khi đi T không nói cho D biết điện thoại do T trộm cắp được đem bán. T điều khiển xe mô tô biên kiểm soát 81H1-8527 chở D đến tiệm điện thoại R ở tổ 07, phường P, thị xã A do anh Nguyễn Văn V làm chủ. Gặp anh V, T nói: “Điện thoại của em bị dính mật khẩu bây giờ đem bán”. Anh V đồng ý mua chiếc điện thoại nói trên với giá 1.500.000đồng. Bán điện thoại xong T chở D về nhà, khi đi trên đường D mượn T 250.000 đồng, T đổ xăng hết 40.000 đồng, số tiền còn lại T mua card để chơi game online hết.

Tại bản kết luận số 55/KLĐGTS ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã A, xác định: Chiếc điện thoại IPHONE 6S PLUS màu hồng, số IMEI: 5567653 còn lại 60% trị giá 7.800.000đ (bảy triệu tám trăm ngàn đồng).

Tại Bản cáo trạng số: 08/CTr-VKS ngày 26/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố bị cáo Nguyễn Thành T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù.

Lời khai của người bị hại Nguyễn Thị S thể hiện: Vào ngày 06/3/2018 chị bị mất 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s plus màu hồng trị giá 7.800.000đ. Quá trình điều tra đã xác định được Nguyễn Thành T là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại cho chị chiếc điện thoại nói trên nên chị không có yêu cầu về dân sự. Trong đơn xin xét xử vắng mặt chị yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa anh Phan Hoài D khai: Vào tối ngày 06 ngày 3 năm 2018, Nguyễn Thành T có rủ anh ra trung tâm thị xã A để bán chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6s plus. Do không biết chiếc điện thoại này Nguyễn Thành T phạm tội mà có nên anh D đã cùng T đi bán điện thoại.

Lời khai của anh Nguyễn Văn V thể hiện: Do không biết chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6s plus màu hồng là tài sản do Nguyễn Thành T phạm tội mà có nên vào tối ngày 06/3/2018 anh đã mua chiếc điện thoại này với giá 1.500.000đ. Quá trình điều tra gia đình bị cáo Nguyễn Thành T đã bồi thường cho anh 1.500.000đ nên anh không có yêu cầu gì về dân sự.

Lời khai của anh Nguyễn H thể hiện: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HALIM màu đỏ, biển kiểm soát 81H1-8527 anh là người đứng tên trong giấy chứng nhận sở hữu. Việc T sử dụng xe sau đó thực hiện hành vi trộm cắp tài sản anh hoàn toàn không biết. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã giao lại chiếc xe này cho anh nên anh không có yêu cầu gì về dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến kiến nghị hoặc khiếu nại về quyết định, hành vi của Cơ

quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án do đó đã có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 08 giờ ngày 06 tháng 3 năm 2018, tại tiệm hớt tóc G thuộc Tổ 4, phường M, thị xã A, tỉnh Gia Lai, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản bị cáo Nguyễn Thành T đã lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s plus màu hồng trị giá 7.800.000đ của chị Nguyễn Thị S. Vì vậy, đã đủ cơ sở tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành T phạm tội ‘Trộm cắp tài sản’.

[3] Về áp dụng pháp luật: Do các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội sau 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội thì áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xem xét trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt có giá trị trên 2.000.000đ nhưng dưới 50.000.000đ nên đã vi phạm vào khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bị kết án chưa được xóa án tích lại phạm tội do cố ý là trường hợp tái phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 53 của Bộ luật Hình sự 2015 nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại về dân sự cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về hình phạt: Xét bị cáo có nhân thân xấu, đã 2 lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản và đang có tiền án về tội trộm cắp tài sản, đồng thời căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục và răn đe.

[7] Về dân sự: Người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều không có yêu cầu về dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã xử lý theo thẩm quyền nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[9] Không có chứng cứ chứng minh anh Phan Hoài D và anh Nguyễn Văn V biết được chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6s plus do bị cáo Nguyễn Thành T bán cho anh Nguyễn Văn V là tài sản do phạm tội mà có nên không có cơ sở truy

cứu trách nhiệm hình sự đối với anh Phan Hoài D và anh Nguyễn Văn V về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 260; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành T phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T 09 (chín) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 07/3/2018).

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thành T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (07/6/2018), bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Duy Phước Võ Thị Thanh Hương

Bùi Tứ Hải

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Công an thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tứ Hải

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Công an thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tứ Hải

